

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/DS-ST

Ngày 27 tháng 10 năm 2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Xuân Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hiền Băng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Bưởi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thẩm thụ lý số: **89/2021/TLST-DS** ngày **08/6/2021** về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52C/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trụ sở: Quận H, thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Văn C – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ tỉnh G.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng: Ông Trương Văn P, sinh năm 1972 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Đ thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ tỉnh G. Địa chỉ: thị trấn Đ, huyện, tỉnh Gia Lai (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 1955/QĐ-BIDV.GL ngày 25/11/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lý Công N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trình bày tại các bản khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:*

Theo thỏa thuận, Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi là nguyên đơn) - thông qua Phòng giao dịch Đ thuộc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ tỉnh G đã cho ông Lý Công N (sau đây gọi là bị đơn) vay tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/9170360/HĐTD ngày 12/06/2019. Theo thỏa thuận, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/5/2020), lãi suất cho vay 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc cuối kỳ, thời hạn trả nợ lãi **hàng tháng** (nếu vi phạm trả nợ thì bị đơn phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký), mục đích vay bổ sung vốn chăn nuôi bò (nhưng bị đơn không có đăng ký kinh doanh).

Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Lý Công N (sau đây gọi là bị đơn) và bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2016/9170360/HĐBĐ ngày 08/11/2016 gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 012961 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/10/2016 cho ông Lý Công N và bà Nguyễn Thị N; Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 96, có diện tích 15464,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ lô đất là tại Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai **và toàn bộ tài sản trên đất**.

Tính đến ngày 27/8/2019 bị đơn mới trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền nợ lãi là 15.616.438 đồng, ngoài ra bị đơn không trả được khoản nợ gốc và nợ lãi nào khác. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như đã cam kết nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và lãi chưa thanh toán như đã vay nêu trên, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (**ngày 27/10/2021**) với tổng số tiền là 1.020.920.549 đồng, gồm: Nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi là 220.920.549 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 165.326.028 đồng, lãi quá hạn là 55.594.521 đồng).

Nếu bị đơn không trả hết nợ gốc và nợ lãi nêu trên thì đề nghị xử lý tài sản do ông Lý Công N và bà Nguyễn Thị N đã thế chấp nêu trên để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ chưa trả.

Quá trình giải quyết vụ án ông Lý Công N và bà Nguyễn Thị N đều vắng mặt và không có cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Hội đồng xét xử xem xét.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử, nghị án đều đúng theo quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án; riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc bị đơn chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm.

+ Buộc nguyên đơn chịu chi phí về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng quy định pháp luật.

+ Do nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí về xem xét, thẩm định tại chỗ cho bị đơn nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, tại Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/9170360/HĐTD ngày 12/06/2019, thể hiện bên vay tiền với mục đích vay tiêu dùng (vay vốn bổ sung vốn chăn nuôi bò, nhưng bị đơn không có đăng ký kinh doanh) và bị đơn có địa chỉ tại Thôn Hà Lòng 2, xã K'Dang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai nên tranh chấp trên được Tòa án nhân dân huyện Đak Đoa thụ lý, giải quyết vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung:

[2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn **và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** đều vắng mặt và không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/9170360/HĐTD ngày 12/06/2019 và các tài liệu khác do nguyên đơn cung cấp tại hồ sơ, thể hiện như sau: Theo thỏa thuận, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 12/6/2019 đến ngày 12/5/2020), lãi suất cho vay 9,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn trả nợ gốc cuối kỳ, thời hạn trả nợ lãi **hàng tháng** (nếu vi phạm trả nợ thì bị đơn phải chịu lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký).

Tính đến ngày 27/8/2019 bị đơn mới trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền lãi là 15.616.438 đồng, ngoài ra bị đơn không trả được khoản nợ gốc và nợ nợ lãi nào khác. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ gốc và lãi cho nguyên đơn như đã cam kết nên gây thiệt hại cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc và lãi chưa thanh toán như đã vay nêu trên, tính đến ngày **ngày 27/10/2021** với tổng số tiền là 1.020.920.549 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Để đảm bảo nợ vay tại Hợp đồng tín dụng nêu trên thì ông Lý Công N (sau đây gọi là bị đơn) và bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã thế chấp cho nguyên đơn tài sản tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/9170360/HĐBĐ ngày 08/11/2016.

Nguyên đơn yêu cầu trường hợp bị đơn không hết nợ gốc và nợ lãi như đã nêu trên thì yêu cầu xử lý tài sản do ông Lý Công N và bà Nguyễn Thị N thế chấp ở trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự của vụ án theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nguyên đơn yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nên phải chịu chi phí tố tụng này với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện chịu thay chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho bị đơn, xét thấy nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ này là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, khoản 1 Điều 157, **khoản 2 Điều 180**, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Đ (nguyên đơn). Buộc ông Lý Công N (bị đơn) trả nợ cho nguyên đơn khoản nợ gốc và lãi phát sinh tại **Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/9170360/HĐTD ngày 12/06/2019** tính đến **ngày 27/10/2021** với tổng số tiền là 1.020.920.549 đồng, gồm: Nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi là 220.920.549 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn là 165.326.028 đồng, lãi quá hạn là 55.594.521 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại **Hợp đồng tín dụng số: 01/2019/9170360/HĐTD ngày 12/06/2019 kể từ ngày 28/10/2021 cho đến khi trả hết nợ**.

3. Trường hợp bị đơn không thanh toán hết nợ gốc và lãi như trên cho nguyên đơn, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện

Đ, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản do ông Lý Công N (sau đây gọi là bị đơn) và bà Nguyễn Thị N (sau đây gọi là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đã thế chấp cho nguyên đơn tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2016/9170360/HĐBĐ ngày 08/11/2016 để thu hồi toàn bộ số tiền còn nợ chưa trả, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 012961 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Gia Lai cấp ngày 10/10/2016 cho ông Lý Công N và bà Nguyễn Thị N; Thửa đất số 26, tờ bản đồ số 96, có diện tích 15464,6 m<sup>2</sup>, địa chỉ lô đất là tại Thôn H, xã K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai **và toàn bộ tài sản trên đất đất** (Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định, thửa đất trên có diện tích 15464,6 m<sup>2</sup>, có giới cận như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 25 có kích thước 64,00m; Phía Tây giáp đường có kích thước 49.80 m; Phía Nam giáp tờ bản đồ số 93 có kích thước 173,90m + 79,81m; Phía Bắc giáp thửa đất số 24 có kích thước 231,16m. Tài sản trên đất: 01 căn nhà cấp 4, tường xây gạch tô trát, mái lợp tole nền xi măng có diện tích khoảng 104m<sup>2</sup>; 01 sân xi măng có diện tích khoảng 270m<sup>2</sup>; 01 giếng nước; ngoài ra trên đất có trồng cây bơ và một số cây sầu riêng hiện đang sinh trưởng tốt).

#### 4. Về án phí:

- Buộc bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm với số tiền (làm tròn số) là 42.627.616 đồng.

- Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.725.616 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009640 ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai.

#### 5. Về chi phí tố tụng:

- Buộc nguyên đơn phải chịu chi phí về việc yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng với số tiền là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ.

- Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, **7, 7a, 7b** và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn; **người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, cq.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Xuân Hòa**